TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN G** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Én

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Đức - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thiên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1229/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 612/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết Đ hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D; Địa chỉ: Số x đường Lê Đức T, Phường a, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trương Văn Đ; Hộ khẩu thường trú: xã Tịnh b, huyện Sơn T, tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ cư trú: Số x đường Lê Đức T, Phường a, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2023 và lời khai tại tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và ông Trương Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 05/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tịnh B, huyện Sơn T, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, bà và ông Đ chung sống tại địa chỉ số x đường Lê Đức T, Phường a, quận G. Cuối năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp và không hạnh phúc. Bà không còn tình cảm với ông Đ, bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Minh K, sinh ngày 26/9/2018. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Toà án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải (02 lần); Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định Đ hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham dự phiên toà đối với bị đơn là ông Trương Văn Đ nhưng ông Đ đều vắng mặt, không có lý do.

Do ông Đ vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn ông Trương Văn Đ vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà D yêu cầu ly hôn với ông Đ là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Giao bà D nuôi dưỡng trẻ Trương Minh K, sinh ngày 26/9/2018.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà D nộp đơn khởi kiện vụ án ly hôn ông Đ, ông Đ có địa chỉ cư trú tại x đường Lê Đức T, Phường a, quận G nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo quy Đ tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a

Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà D có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đ đã được Tòa án nhân dân quận G tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Đ vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu các đương sự:

[2.1] Căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.2] Do ông Đ không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án nên trong hồ sơ không có ý kiến của ông Đ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà D cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Bà D yêu cầu được ly hôn với ông Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hội đồng xét xử xét thấy, Bà D và ông Đ chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 05/3/2018 do Ủy ban nhân dân xã Tịnh B, huyện Sơn T, tỉnh Quảng Ngãi cấp nên hôn nhân của bà D và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường A, quận G có nội dung: *"hiện nhà bà Nguyễn Thị D và ông Trương Văn Đ không có mâu thuẫn gì, ông Đ vẫn đi đi về về nhà nhưng không thường xuyên."*

Nguyên đơn bà D xác định, bà và ông Đ phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2018, vợ chồng thường hay cãi vã, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hòa hợp và không hạnh phúc. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đ đều vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết vụ án. Từ đó, cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà D và ông Đ không đạt được, mâu thuẫn giữa đôi bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc gia đình là phải được xây dựng từ sự tự nguyện, từ tình cảm của cả hai phía, bà D khẳng Đ tình cảm không còn. Từ các phân tích trên, bà D yêu cầu ly hôn với ông Đ là có cơ sở để chấp nhận. Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 05/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tịnh B, huyện Sơn T, tỉnh Quảng Ngãi không còn giá trị pháp lý.

[2.3] Về con chung: Bà D, ông Đ có 01 con chung tên Trương Minh K, sinh ngày 26/9/2018.

Bà D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử xét thấy, bà D là người chăm sóc con từ khi sinh ra đến nay, để ổn Đ sự phát triển của con về mọi mặt nên yêu cầu của bà D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có cơ sở để chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung: Bà D xác Đ không có nhưng không có ý kiến của ông Đ nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà D chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0012511 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Căn cứ vào:

Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 200, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Trương Văn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 05/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tịnh B, huyện Sơn T, tỉnh Quảng Ngãi cấp không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Trương Văn Đ có 01 con chung tên Trương Minh K, sinh ngày 26/9/2018.

Bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Bà D không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà D chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0012511 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc